TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-02-2025
"V/v Tranh chấp HNGĐ - xin ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Hồng Cúc
Ông Hà Bửu Khánh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2025/TLST - HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Mỹ H - sinh năm: 1983. (Có mặt)
- *Bị đơn*: Ông Lê Tuấn Q - sinh năm: 1981. (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Trần Thị Mỹ H trình bày:

Bà và ông Q tự tìm hiểu được gia đình tổ chức lễ cưới năm 2007. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện G. Ông bà hạnh phúc hơn 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp tính ý, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Ông bà đã ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Phúc D - sinh ngày: 01/11/2008 và Lê Thị Trúc N - sinh ngày: 02/05/2015. Hiện cháu D và cháu N

đang chung sống với bà H, bà H yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Q để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, triệu tập tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông Q có bản tự khai và đơn xin vắng mặt do bận công việc, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà H khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với ông Q, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã N, huyện G nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Q đã được Tòa án cấp, tống đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ H và ông Lê Tuấn Q cưới nhau vào năm 2007, ông bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Bà H xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Bà và ông Q đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*.....". Ông bà đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không sống chung trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Q không không đến Tòa án tham gia tố tụng, xin vắng mặt tại phiên hòa giải, không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy tình trạng hôn nhân của ông bà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận cho bà Trần Thị Mỹ H được ly hôn với ông Lê Tuấn Q.

[2.2] Về con chung: Theo bà H và ông Q cùng xác định ông bà có 02 con chung tên Trần Phúc D - sinh ngày: 01/11/2008 và Lê Thị Trúc N - sinh ngày: 02/05/2015. Hiện cháu D và cháu N đang chung sống với bà H, bà H yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Cháu D và N đều trên 07 tuổi và có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn tiếp tục chung sống với bà H. Xét thấy yêu cầu nuôi con của bà H là phù hợp với nguyện vọng của cháu D và cháu N, hiện bà H có đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung. Ông Q không ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của bà H. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu D và cháu N cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà H không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Ông Q được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bà H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009114 ngày 06/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Mỹ H được ly hôn với ông Lê Tuấn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phúc D - sinh ngày: 01/11/2008 và Lê Thị Trúc N - sinh ngày: 02/05/2015 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông Q được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0009114 ngày 06/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho bà H được biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27-02-2025), ông Q được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thúy An